

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUỲNH LƯU  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 6 - 2021

V/v: “Không công nhận quan hệ vợ chồng,  
tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Đạt Nghiêm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hồ Hữu Thỏa;
2. Bà Vũ Thị Thịnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Hoàng Phương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu tham gia phiên tòa:**  
Bà Ngô Thị Phương Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021 về: “Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Đức Th, sinh năm 1980; có mặt;
2. *Bị đơn:* Chị Lê Thị Nh, sinh năm 1977; có mặt;

Cùng nơi cư trú: Xóm 6, xã Quỳnh V, huyện Q, Nghệ An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Đức Th trình bày:* Anh và chị Lê Thị Nh tổ chức đám cưới vào ngày 02/8/1998 trên cơ sở yêu thương tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn; thời gian đầu chung sống tình cảm bình thường. Từ năm 2014 cuộc sống chung không hạnh phúc, do lối sống và quan điểm khác nhau và thường bất đồng, nên anh và chị Nh không sống chung với nhau từ năm 2015 đến nay. Thời gian qua anh và chị Nh không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay anh xét thấy không còn tình cảm, nên đề nghị Tòa án xét xử không công nhận anh và chị Lê Thị Nh là vợ chồng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh và chị Nh có 03 con

chung là Nguyễn Đức C, sinh ngày 18/6/1999; Nguyễn Đức Q, sinh ngày 11/9/2003 và Nguyễn Đức P, sinh ngày 13/6/2015. Hiện nay con chung Nguyễn Đức C đã trưởng thành, ở với ai tùy con quyết định. Anh nhất trí nhường quyền nuôi 02 con chung là Q và P cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện và bản tự khai anh yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nhưng ngày 10/5/2021, anh có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nữa.

*Tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn chị Lê Thị Nh trình bày:* Chị và anh Nguyễn Đức Th tự nguyện về chung sống với nhau từ ngày 02/8/1998, nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu hai bên chung sống bình thường. Đến 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, do khác nhau về lối sống, dẫn đến tình cảm không còn, nên đã không chung sống với nhau từ năm 2015 đến nay và không quan hệ gì với nhau nữa. Nay anh Th yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Th với chị, thì chị nhất trí.

Về con chung: Chị và anh Th có 03 con chung như anh Th trình bày nêu trên là chính xác. Nay con chung là C đã trên 18, ở với ai là tùy con quyết định. Chị và anh Th đã thỏa thuận việc nuôi con như sau, chị được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Q và P; chị không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai: Con chung Nguyễn Đức Q có nguyện vọng xin ở với mẹ.

*Kết quả xác minh tại UBND xã Quỳnh Văn:* Anh Nguyễn Đức T và chị Lê Thị N có chung sống với nhau, nhưng không đăng ký kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh Th và chị Nh chính quyền địa phương không được biết. Nay anh Th yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng và nuôi con; đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý, thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án, tổng đạt văn bản cho Viện kiểm sát và đương sự của Thẩm phán là hoàn toàn đúng luật. Hội đồng xét xử và Thư ký tuân theo quy định của pháp luật trong quá trình xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng:

- Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09- 6- 2000 của Quốc Hội, về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30- 12- 2016 về án phí và lệ phí Tòa án và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Các Điều 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; xử: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Đức Th và chị Lê Thị Nh.

Về con chung: Anh Nguyễn Đức Th và chị Lê Thị Nh có 03 con chung.

Con chung Nguyễn Đức C, sinh ngày 18/6/1999 đã trưởng thành, ở với ai tùy con quyết định. Giao 02 con chung là Nguyễn Đức Q, sinh ngày 11/9/2003 và Nguyễn Đức P, sinh ngày 13/6/2015 cho chị Lê Thị Nh trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Đức Th, vì chị Lê Thị Nh

không yêu cầu. Anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản: Anh Nguyễn Đức Th và chị Lê Thị Nh không ai yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Anh Nguyễn Đức Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn chị Lê Thị Nh cư trú tại xóm 6, xã V, huyện Q, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Q.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức Th và chị Lê Thị Nh có tổ chức đám cưới và chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 02/8/1998, nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy, căn cứ vào Điểm c Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09- 6- 2000 của Quốc Hội, về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Đức Th và chị Lê Thị Nh.

Về con chung: Anh Th và chị Nh có 03 con chung Nguyễn Đức C, sinh ngày 18/6/1999; Nguyễn Đức Q, sinh ngày 11/9/2003 và Nguyễn Đức P, sinh ngày 13/6/2015. Đối với con chung Nguyễn Đức C đã trên 18 tuổi, trưởng thành, việc ở với ai do C quyết định. Còn hai con chung là Nguyễn Đức Phong và Nguyễn Đức Quý do chị Lê Thị Nh trực tiếp nuôi dưỡng từ khi anh Th và chị Nh sống ly thân đến nay. Hiện các cháu đều khỏe mạnh, phát triển bình thường; cháu Q xin được ở với mẹ. Vì vậy, cần chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận nuôi con của Anh Th, chị Nh là giao 02 con chung Q và Ph cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung cho anh Th, vì chị Nh không yêu cầu. Anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Đức Th và chị Lê Thị Nh không ai yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

Án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Đức T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Điểm c Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09- 6- 2000 của Quốc Hội, về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH ngày 30-12- 2016 quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Đức Th và chị Lê Thị Nh.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Đức Q, sinh ngày 11/9/2003 và Nguyễn Đức P, sinh ngày 13/6/2015 cho chị Lê Thị Nh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Đức Th, vì chị Lê Thị Nh không yêu cầu.

Anh Nguyễn Đức Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Đức Th phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp 5.362.000đ (năm triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/ 0002414 ngày 16/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Đức Th số tiền tạm ứng án phí 5.062.000đ (năm triệu không trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày, kể từ tuyên án.

*Nơi nhận:*

- VKSND H. Q;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS H. Q;
- UBND xã V;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Hồ Đạt Nghiệm**

